

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách địa phương hỗ trợ năm 2023

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3371/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị tại địa phương;

Xét đề nghị của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ngân sách địa phương hỗ trợ năm 2023 cho đơn vị sử dụng ngân sách Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

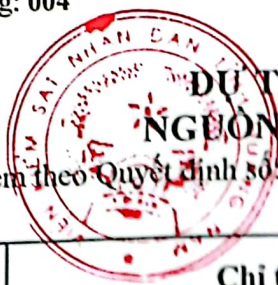
Điều 3. Chánh Văn phòng, kế toán Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *ML*

- VKSND tối cao (b/cáo);
- Đơn vị sử dụng NS (t/hiện);
- Lưu: VT, TV.



TRẦN HOÀI NAM



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
NGUỒN KINH PHÍ ĐỊA PHƯƠNG HỖ TRỢ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 04/VKS-VP ngày 03/01/2023 của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Nam)

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Số chưa phân bổ
A	Dự toán thu	0	0	
I	Tổng số thu			
1	Thu phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>			
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)			
4	Thu sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>			
II	Số thu nộp NSNN			
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>			
3	Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>			
III	Số được để lại chi theo chế độ			
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>			
3	Thu viện trợ			
4	Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước (không bao gồm chi đầu tư)			
I	Loại 340, khoản 341			
A	Kinh phí tự chủ			
B	Kinh phí không tự chủ			
II	Loại 70, khoản 085			
C	Dự toán chi nguồn khác (UBND hỗ trợ)	600.000.000	600.000.000	
I	Chi thanh toán cá nhân			
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn	600.000.000	600.000.000	
1	VP Viện tỉnh	600.000.000	600.000.000	
III	Chi mua sắm, sửa chữa			
	Tổng cộng	600.000.000	600.000.000	